

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Lành

Ông Trần Văn Chánh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:* Nguyễn Thị Đông- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2522/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường P, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phan Thái H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: phường P, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

(Bà G có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị G trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Thái H kết hôn vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2015 tại UBND xã P (nay là phường P), thành phố

Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nhiều lần ông H đi nhậu về đánh đập vợ con và có những lời lẽ hành động xúc phạm bà. Vì không muốn gia đình tan vỡ, bà đã nhiều lần nói chuyện với ông H để vợ chồng tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, bà xin ly hôn với ông Hòa.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phan Đặng Kim Ng, sinh ngày 09/11/2015, Phan Đăng Hoàng N, sinh ngày 09/10/2017 và Phan Đăng Kim H, sinh ngày 11/7/2019. Tại Đơn khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giao cả ba con chung cho bà nuôi dưỡng và yêu cầu ông Hòa cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Tại Bản tự khai ngày 28/11/2022, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập của bà hiện nay từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng, đủ để bà có thể nuôi con; còn ông H hiện công việc và thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Thái H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc tham gia tố tụng và cung cấp tài liệu chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.*

**Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có đơn đề nghị vắng mặt nên nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Thái H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị G xin ly hôn ông Phan Thái H, ông H là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số nhà 02A, tổ 3, khu phố Tân Mai 2, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bà G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông H tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 138/2015 vào ngày 23/5/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8,9 Luật hôn nhân gia đình. Nay Bà G xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của bà G : Bà G khai, quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông H thường xuyên đi nhậu về đánh vợ con, nhiều lần xúc phạm bà. Bà đã nhiều lần nói chuyện với ông H để vợ chồng tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, bà xin được ly hôn với ông H.

Bị đơn ông Phan Thái H đã được Tòa án xác minh là có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số nhà 02A, tổ 3, khu phố Tân Mai 2, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho ông H tại địa chỉ trên nhưng ông H không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Mặc dù Biên bản xác minh ngày 05/12/2022 tại phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thể hiện chính quyền địa phương không biết giữa Bà G và ông H có xảy ra mâu thuẫn hay không vì các đương sự không báo với chính quyền địa phương và không có đơn đề nghị địa phương hoà giải. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy ông H có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng Bà G và ông H là có thật và hiện đã rất trầm trọng. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà G , cho Bà G được ly hôn với ông H để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Bà G và ông H có 03 con chung tên Phan Đặng Kim Ng, sinh ngày 09/11/2015; Phan Đặng Hoàng N, sinh ngày 09/10/2017 và Phan Đặng

Kim H, sinh ngày 11/7/2019. Ly hôn, Bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được yêu cầu của Bà G về việc nuôi con nhưng không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản đối.

Xét thấy, Bà G có chỗ ở ổn định tại số nhà 02A, tổ 3, khu phố Tân Mai 2, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hiện có mức thu nhập một tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con. Đồng thời tại bản tự khai ngày 02/11/2022, con chung trên 07 tuổi của ông bà là cháu Phan Đăng Kim Ng sinh ngày 09/11/2015 có nguyện vọng được ở với mẹ. Như vậy, Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, ông H không có ý kiến phản đối yêu cầu của bà G, các đương sự không có thoả thuận khác về việc nuôi con, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả 03 con chung cho Bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Bà G không có yêu cầu nên tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà G, ông H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông H (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

2.4. Về tài sản chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí: Bà Đặng Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị G với bị đơn ông Phan Thái H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị G, sinh năm 1984 được ly hôn ông Phan Thái H, sinh năm 1986.

2. Về con chung: Giao cả ba con chung là Phan Đặng Kim Ng, sinh ngày 09/11/2015; Phan Đặng Hoàng N, sinh ngày 09/10/2017 và Phan Đặng Kim H, sinh ngày 11/7/2019 cho bà Đặng Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời ông Phan Thái H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà G, ông H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông H (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Bà G đã nộp theo biên lai thu số 0004108 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, Bà G đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tám**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tám**

